TÒA ÁN NHÂN DÂN **CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 289/2023/DS-PT
Ngày 20/6/2023
V/v *Tranh chấp về quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Nam

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển

Ông Nguyễn Huyền Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên cao cấp;

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLPT-DS ngày 10/3/2023 về "*Tranh chấp về quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt*" do nguyên đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6727/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm 15, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, có mặt;

2. Bị đơn: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm 7, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Anh Phạm Hồng S, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 7, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

+ Anh Phạm Hồng S, sinh năm 1976;

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1971;

+ Chị Nguyễn Thị S1, sinh năm 1980;

+ Chị Phạm Thị N1, sinh năm 1982;

+ Anh Phạm Trung K, sinh năm 1999;

Đều có địa chỉ tại: Xóm 7, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H, chị S1, chị N1 và anh K: Anh Phạm Hồng S, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 7, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

+ Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Nam K1, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vinh và bà Trần Thị Nguyên N2, Nhân viên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

+ Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Khối 4, thị trấn H, huyện L, tỉnh Nghệ An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đã được triệu tập đến Tòa án lần 2 hợp lệ mà vẫn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/02/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn là ông Phạm Văn N trình bày:

Cha của ông là cụ Phạm Văn T1 mất đầu năm 1990 có để lại cho ông thửa đất ao số 430, tờ bản đồ số 3, diện tích 1003 m^2 tại xóm 7, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để lấy tiền hương khói cho cha mẹ và bác ruột là liệt sỹ. Năm 1992, ông Phạm Ngọc H1 (là ông chú trong họ) có tới gia đình ông mượn ao cá để cải thiện cuộc sống. Ông đồng ý cho ông H1 mượn đến khi nào con của ông cưới vợ, lấy chồng thì ông H1 trả lại ao cá để ông chăm sóc, cải thiện tuổi già và hương khói cho tổ tiên. Năm 1994, Ban địa chính xã K đã tự động sang tên thửa đất cho bà Lưu Thị T (vợ của ông Phạm Ngọc H1) và Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện L, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho bà T. Ông đã nhiều lần yêu cầu bà T trả lại đất nhưng bà T không trả, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc bà Lưu Thị T phải trả lại cho ông thửa đất số 430, tờ bản đồ số 3, diện tích 1003 m^2 tại Xóm 7, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

- Tuyên hủy một phần GCNQSDĐ số G 0986124 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An cấp cho bà Lưu Thị T ngày 30/4/1994;

Tại Bản tự khai đề ngày 10/7/2020, bị đơn bà Lưu Thị T trình bày:

Bà không thừa nhận có việc mượn đất như ông N trình bày, mà cho rằng gia đình bà sử dụng thửa đất số 430, tờ bản đồ số 3, diện tích 1003 m^2 nêu trên từ năm 1989 do được đội xóm và xã giao; năm 1994, bà được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ. Việc giao đất được tiến hành công khai tại xóm, xã; bà đã sử dụng để nuôi cá liên tục từ đó đến nay không ai tranh chấp và bà thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Các anh Phạm Trung K, anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị S1, chị Phạm Thị H là con bà T trình bày: Thửa đất số 430, tờ bản đồ số 03, diện tích 1003 m^2 nêu trên do bố mẹ của các anh chị sử dụng từ năm 1989, đến năm 1994, được UBND huyện L, tỉnh Nghệ An cấp GCNQSDĐ số C 0986124. Việc ông N

cho rằng bà T mượn của bà D (mẹ của ông N) là không đúng, giữa gia đình anh K, anh S, chị S1 và gia đình ông N không có bất kỳ giấy tờ nào chứng minh cho việc này nên ý kiến của ông N là không có căn cứ. Việc gia đình các anh chị sử dụng và cho đến khi được cấp giấy chứng nhận đều rõ ràng, minh bạch, cả xã, đội xóm và các hộ liền kề qua các thời kỳ đều xác nhận, vì khi giao đất đều công khai, các hộ dân đều biết và ký xác nhận diện tích này. Gia đình anh K, anh S, chị S1 với gia đình ông N là anh em xóm giềng, ở cùng xã, việc bà T được cấp GCNQSDĐ, ai cũng biết và không có phản đối hay kiến nghị gì, ông N đòi lại là không hợp tình, hợp lý.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 04/3/2022 thể hiện: Thửa đất số 430, tờ bản đồ số 3 tại Xóm 7, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được UBND huyện L, tỉnh Nghệ An cấp GCNQSDĐ số G 0986124 ngày 30/4/1994 có diện tích 1003 m^2; theo bản đồ số 17 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An đo đạc tháng 12 năm 2018 thì thửa đất trên là thửa đất số 172, diện tích 1032,1 m^2; việc diện tích đất của thửa đất giảm được UBND xã xác định là do xác định lại ranh giới, không có sự lấn chiếm, tranh chấp với các thửa đất xung quanh; giá trị thửa đất theo giá đất ao, nếu được chuyển đổi mục đích sang đất ở thì có giá trị 3.000.000 đồng/m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

UBND huyện L, tỉnh Nghệ An trình bày: Do năm 2008, UBND xã K sáp nhập vào thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nên các tài liệu về đất đai như hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyết định cấp GCNQSDĐ cho bà T và hồ sơ giấy tờ liên quan đến vụ án dân sự mà Tòa án yêu cầu đã được UBND huyện L bàn giao cho UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, UBND huyện L không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của ông N đề nghị tuyên hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho bà Lưu Thị T

Tại Công văn số 3305/CNVPĐK ngày 15/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Vinh gửi UBND thành phố Vinh và Phòng tài nguyên môi trường do người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cung cấp có nội dụng: Qua kiểm tra sổ sách bàn giao hồ sơ, tài liệu từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện L và UBND xã K cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Vinh, không có hồ sơ của bà Lưu Thị T tại xã K.

UBND xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An không có văn bản trình bày gửi Tòa án nhưng có cung cấp sổ địa chính thể hiện thửa đất số 430, tờ bản đồ số 03 mang tên bà Lưu Thị T có ao cá diện tích 1003 m^2 vào số cấp giấy chứng nhận số 0986147.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N về việc buộc bà Lưu Thị T phải trả lại ông thửa đất số 430, tờ bản đồ số 3, diện tích 1003m^2 tại xóm 7, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 0986124 ngày 304/1994, do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An cấp cho bà Lưu Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 07/10/2022, ông Phạm Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và về cơ bản vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn N là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy đinh của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, kháng cáo của ông Phạm Văn N là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1]. Về tố tụng: Ngày 07/10/2022, ông N có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 là trong thời hạn kháng cáo, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là bà Lưu Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt, không lý do; theo đề nghị của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông N thì thấy:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Ông Phạm Văn N cho rằng thửa đất số 430, tờ bản đồ số 3 tại Xóm 7, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An do cụ Phạm Văn T1 (bố ông) để lại cho ông sau khi chết để ông sử dụng lấy tiền hương khói cho cha mẹ và bác ruột là liệt sỹ. Năm 1992, ông N cho ông Phạm Ngọc H1 (chú họ của ông) là chồng của bà Lưu Thị T mượn để sản xuất, cải thiện đời sống. Tuy nhiên, ông N không xuất trình được bất cứ tài liệu nào chứng minh cho lời trình bày của mình mà chỉ có đơn xin xác nhận do ông viết có xác nhận của 1 số nhân chứng thừa nhận thửa đất trước đây do bố ông N sử dụng. Bà T không thừa nhận có việc ông H1 mượn đất.

Theo các tài liệu do UBND xã K cung cấp gồm: Bản đồ 299 thì thửa đất số 430, diện tích 1003 m^2 không thể hiện chủ sử dụng; Sổ địa chính năm 1995 và các bản đồ sau đó đều thể hiện thửa đất trên đứng tên chủ sử dụng là bà Lưu Thị

T. Tại Biên bản hòa giải ngày 13/02/2019 của UBND xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xác định nguồn gốc thửa đất là đất ao để nuôi cá, trước đây do bố mẹ của ông N để lại cho anh em, sau đó, chuyển đổi cho bà T sử dụng và bà T đã được cấp GCNQSDĐ.

Theo quy định tại Nghị quyết số 125-CP ngày 28/6/1971 của Hội đồng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý ruộng đất thì Hợp tác xã có quyền quản lý, sử dụng và cấp ruộng đất cho các xã viên sử dụng. Bà Lưu Thị T là xã viên của xã P, nên được đội xóm và xã giao đất để sử dụng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Bà T quản lý, sử dụng công khai, liên tục từ năm 1989 cho đến năm 2019 (trước khi có tranh chấp với ông Phạm Văn N), không ai có khiếu nại hay tranh chấp gì. Ngày 30/4/1994, gia đình bà T được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ thửa đất số 430, diện tích 1003 m^2, mục đích sử dụng là ao cá. Ngày 15/9/1996, bà T được UBND xã K chứng nhận: "*Diện tích được cấp bìa đỏ là 4498 m^2, sau khi trừ mương, đường và chuyển đổi mục đích khác là 124 m^2, diện tích còn lại là 4.374 m^2, giao gia đình bà T tiếp tục được quản lý và sử dụng diện tích đất còn lại đúng mục đích và làm tròn nghĩa vụ cũng như thuế khóa...*", nên theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 thì: "*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*".

Thực tế quá trình quản lý, sử dụng bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, đồng thời được hưởng các chế độ chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi bị thiệt hại trong nuôi trồng thủy sản. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N thừa nhận ông có biết việc bà T được hỗ trợ nhưng không có ý kiến gì. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N thừa nhận có biết việc bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1994, nhưng đến nay mới khởi kiện đòi đất.

Như vậy, việc ông Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu bà T trả lại đất nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông được quyền sử dụng hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N về việc đòi lại quyền sử dụng đối với thửa đất số 430, tờ bản đồ số 03 tại xóm 7 xã K, thành phố Vinh là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số G 0986124 ngày 30/4/1994 do UBND huyện L, tỉnh Nghệ An cấp cho bà Lưu Thị T:

Như trên đã phân tích: ông Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu bà T trả lại đất nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông được quyền sử dụng hợp pháp, không có bất cứ tài liệu nào chứng minh có việc cho mượn và bà T cũng không thừa nhận có việc mượn; cơ quan có thẩm quyền cũng không xác nhận về nguồn gốc sử dụng của thửa đất là của ông N; UBND xã K xác nhận bà T là người quản lý, sử dụng liên tục, công khai thửa đất đó từ năm 1989 đến nay ổn định, không xảy ra tranh chấp. Nên theo quy định tại Điều 2, Điều 20 Luật đất đai 1993, UBND huyện L, tỉnh Nghệ An cấp GCNQSDĐ cho bà T đối với thửa đất số 430, tờ bản đồ số 03 tại xóm 7 xã K, thành phố Vinh là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N về việc

hủy một phần GCNQSDĐ số G 0986124 ngày 30/4/1994 do UBND huyện L cấp cho bà T là có căn cứ.

[3].Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Phạm Văn N, giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Văn N.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND tỉnh Nghệ An;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ)
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Phan Nam